CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU ĐẠI LONG

BẢN TỰ CÔNG BỐ PHÙ HỢP QUY ĐỊNH ATTP

TÊN SẢN PHẨM: BÁNH MOCHI VỊ DÂU

SỐ TỰ CÔNG BỐ: 02/ĐL/2026

NĂM 2025

Scanned with CamScanner

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02/ĐL/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: Công ty cổ phần sản xuất và thương mại xuất nhập khẩu Đại Long

Địa chỉ: thôn Lựu Phố, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.

Điện thoại: 02283.819.269 Hotline: 0948.372.371

Mã số doanh nghiệp: 0601070523 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 23 tháng 06 năm 2015; đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 07 tháng 10 năm 2024.

Giấy chứng nhận ISO số HA 688.24.CIV (cấp cho địa chỉ sản xuất. kinh doanh: Lô C0 + 1 phần lô C3 – Tờ bản đồ quy hoạch KCN Hòa Xá - Phường Thành Nam – tỉnh Ninh Bình.

II. Thông tin về sản phẩm

1. **Tên sản phẩm**: Bánh mochi vị dâu
2. **Thành phần**: Đường mạch nha, bột làm bánh ngọt BL2001 *(bột nếp xay nước, hydroxypropyl distarch phosphate (INS 1442) , chất nhũ hóa mono và glyceride của các acid béo (INS 471), xanthan gum (INS 415))*, nước tinh khiết, sorbitol (INS 420), đường trehalose, glycerin (INS 422), sortening, dừa (dạng bột hoặc dạng mảnh), nước sốt vị dâu, chất bảo quản (INS 202), muối ăn, hương liệu tổng hợp (hương dâu), chất điều chỉnh độ axit (INS 330).
3. **Hạn sử dụng**: 9 tháng kể từ ngày sản xuất.
4. **Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì**:
   - 4.1. Quy cách đóng gói:
     - 4.1.1. Bao bì trực tiếp: màng PET/PE hoặc CPP/PE đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm.
     - 4.1.2. Bao bì dùng lưu trữ, vận chuyển, bảo quản: Dạng thùng carton hình chữ nhật, khối lượng đóng gói được ghi rõ trên thùng sản phẩm.
   - 4.2. Chất liệu bao bì
     - 4.2.1. Bao bì trực tiếp: màng PET/PE hoặc CPP/PE, phù hợp theo QCVN 12-1:2011/BYT ngày 30 tháng 08 năm 2011 của Bộ y tế quy định về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

Scanned with CamScanner

4.2.2. Bao bì dùng lưu trữ, vận chuyển, bảo quản: Dạng thùng có hình chữ nhật, làm bằng carton. Bao bì này phù hợp các yêu cầu về vệ sinh, an toàn theo các quy định hiện hành đối với bao bì dùng cho thực phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất.

Sản xuất tại: Công ty cổ phần sản xuất và thương mại xuất nhập khẩu Đại Long
Địa chỉ: thôn Lựu Phố, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.

Nhà máy sản xuất: Lô C0 + 1 phần lô C3 – Tờ bản đồ quy hoạch KCN Hòa Xá - Phường Thành Nam – tỉnh Ninh Bình.

Điện thoại: 02283. 819. 269 Hotline: 0948.372.371

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến).*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm.

Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại xuất nhập khẩu Đại Long sản xuất, kinh doanh sản phẩm Bánh mochi vị dâu đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;
- QCVN 8-3:2021/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- Thông tư số 24/2019/TT-BYT Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm;
- Tiêu chuẩn cơ sở số TCCS 02:2026/ĐL ban hành ngày 20/01/2026 (có TCCS đính kèm).
- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP của chính phủ về nhãn hàng hóa
- Nghị định số 111/2021/NĐ-CP của chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa;
- Thông tư số 29/2023/TT-BYT: Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn sản phẩm;

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Ninh Bình, ngày 22 tháng 01 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(ký tên, đóng dấu)

SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU ĐẠI LONG
T.P NAM ĐỊNH - T. NAM ĐỊNH

GIÁM ĐỐC

Trần Thị Thu Hà

Scanned with CamScanner

MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

1. **Tên sản phẩm**: Bánh mochi vị dâu
2. **Thành phần**: Đường mạch nha, bột làm bánh ngọt BL2001 *(bột nếp xay nước, hydroxypropyl distarch phosphate (INS 1442) , chất nhũ hóa mono và glyceride của các acid béo (INS 471), xanthan gum (INS 415))*, nước tinh khiết, sorbitol (INS 420), đường trehalose, glycerin (INS 422), sortening, dừa (dạng bột hoặc dạng mảnh), nước sốt vị dâu, chất bảo quản (INS 202), muối ăn, hương liệu tổng hợp (hương dâu), chất điều chỉnh độ axit (INS 330).
3. **Khối lượng tịnh**: in trực tiếp trên bao bì sản phẩm.
4. **Ngày sản xuất và hạn sử dụng**: in trực tiếp trên bao bì sản phẩm.
5. **Hướng dẫn sử dụng**: mở bao bì sản phẩm, lấy sản phẩm ra ăn trực tiếp không cần chế biến.
6. **Bảo quản**: Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
7. **Cảnh báo**: không ăn sản phẩm khi có dấu hiệu ôi mốc, hư hỏng hoặc mùi lạ.
8. **Công ty sản xuất và chịu trách nhiệm về sản phẩm:**
   Công ty cổ phần sản xuất và thương mại xuất nhập khẩu Đại Long
   Địa chỉ: thôn Lựu phố, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.
   Điện thoại: 02283. 819. 269 Hotline: 0948.372.371
   Nhà máy sản xuất: Lô C0 + 1 phần lô C3 – Tờ bản đồ quy hoạch KCN Hòa Xá - Phường Thành Nam – tỉnh Ninh Bình
   Xuất xứ: Việt Nam
9. **Thông tin dinh dưỡng**

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)		
Thành phần dinh dưỡng	***Trên 100g**	**% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)**
Năng lượng (Energy)	320 kcal	16.0
Chất đạm (Protein)	1.2 g	2.4
Carbohydrate	60.0 g	18.5
Chất béo (Fat)	8.0 g	14.3
Đường tổng (Total sugars)	12 g	-
Natri (Sodium)	44 mg	2.2
% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values – NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong 100g.		

*Ghi chú: * Giá trị thực tế không nhỏ hơn 80% so với giá trị ghi trong bảng trên.*

Scanned with CamScanner

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION
Địa chỉ hoạt động: Lô DM10-1 Điểm tiểu thủ công nghiệp, Làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn

Mã số/ Code: DV142510726/01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. **Tên Khách hàng/** *Customer's Name*: **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU ĐẠI LONG**
2. **Địa chỉ/** *Address*: Thôn Lựu Phố, Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
3. **Tên mẫu thử/** *Name of Sample*: **Bánh mochi vị dâu**
4. **Mô tả mẫu/** *Sample Description*: Mẫu đựng trong túi PE. Khối lượng mẫu: 250 g/túi; số lượng: 01 túi
5. **Ngày nhận mẫu/** *Date sample received*: 10/12/2025
6. **Thời gian lưu mẫu/** *Sample retention time*: Không có mẫu lưu
7. **Ngày thử nghiệm/** *Date of test*: 10/12/2025-24/12/2025
8. **Ngày trả kết quả/** *Date of issue*: 24/12/2025

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
1	Năng lượng	Kcal/100g	330,28	VNT.H.03.Fo.277
2	Protein	g/100g	1,34	TCVN 10034:2013
3	Béo tổng *	g/100g	8,16	TCVN 4072:2009
4	Carbohydrate hiệu dụng	g/100g	62,87	VNT.H.03.Fo.187
5	Đường tổng (Fructose, Glucose, Sucrose/ Saccharose, Maltose, Lactose) – Phương pháp sắc ký lỏng	g/100g	14,49	VNT.H.03.Fo.53
6	Natri (Na)	mg/100g	42,45	TCVN 10916:2015
7	Arsen (As)	mg/kg	KPH (LOD = 0,05)	TCVN 10912:2015
8	Chì (Pb)	mg/kg	KPH (LOD = 0,025)	TCVN 10912:2015
9	Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 10912:2015

1. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

Scanned with CamScanner

Mã số/ Code: DV142510726/01

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
10	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 10912:2015
11	Tổng số vi sinh vật hiếu khí *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4884-1:2015
12	Tổng số nấm men - nấm mốc *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 8275-1:2010
13	*E. coli* *	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
14	*Salmonella spp.* *	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Ghi chú/ *Note:*

- KPH: Không phát hiện

- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

VIỆN TRƯỞNG

DIRECTOR

VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST

ThS. TRỊNH CÔNG SƠN

1. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

Scanned with CamScanner

MỤC LỤC

Trang

I. Mục lục 1

II. Phần thông tin mở đầu 2

III. Phần cơ bản 3

1. Phạm vi áp dụng 3
2. Thuật ngữ và định nghĩa 3
3. Yêu cầu kỹ thuật 3

3.1. Thành phần nguyên liệu 3

3.2. Yêu cầu cảm quan 3

3.3. Yêu cầu về lý – hóa 3

3.4. Thông tin dinh dưỡng 3

4. Phụ gia thực phẩm 4
5. Yêu cầu về an toàn thực phẩm 4

5.1. Giới hạn tối đa kim loại nặng 4

5.2. Giới hạn vi sinh vật 5

6. Phương pháp thử 5
7. Thời hạn sử dụng 5
8. Bao gói, ghi nhãn, vận chuyển và bảo quản 5

8.1. Bao gói 6

8.2. Ghi nhãn 6

8.3. Vận chuyển 6

8.4. Bảo quản 6

IV. Phần thông tin bổ sung 6

Scanned with CamScanner

Scanned with CamScanner

II. Phần thông tin mở đầu:

TCCS 02:2026/ĐL do phòng Quản lý chất lượng của Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại xuất nhập khẩu Đại Long biên soạn, áp dụng cho sản phẩm Bánh mochi vị dâu

III. Phần cơ bản:

Tên sản phẩm: Bánh mochi vị dâu

1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này áp dụng đối với sản phẩm Bánh mochi sản xuất tại công ty cổ phần sản xuất và thương mại xuất nhập khẩu Đại Long – mã số doanh nghiệp: 0601070523 do phòng Đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Nam Định cấp đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 06 năm 2015; đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 07 tháng 10 năm 2024.

Trụ sở chính: Thôn Lựu Phố, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình.

Nhà máy sản xuất: Lô C0 + 1 phần lô C3- tờ bản đồ quy hoạch KCN Hòa Xá – phường Thành Nam – tỉnh Ninh Bình.

2. Thuật ngữ và định nghĩa

Trong tiêu chuẩn này sử dụng các thuật ngữ và định nghĩa sau:

2.1. Bánh mochi: là sản phẩm được làm từ các nguyên liệu chính như đường, bột nếp bột sữa,… Trong sản phẩm có sử dụng một số loại phụ gia thực phẩm và hương liệu thực phẩm. Sản phẩm có mùi thơm và vị ngọt đặc trưng, dùng ăn trực tiếp.

2.2. ĐL: là tên viết tắt của công ty Cổ phần sản xuất và thương mại xuất nhập khẩu Đại Long.

3. Yêu cầu kỹ thuật.

3.1. Thành phần nguyên liệu:

Đường mạch nha, hỗn hợp bột làm bánh ngọt BL2001 *(bột nếp xay nước, hydroxypropyl distarch phosphate (INS 1442), chất nhũ hóa mono và glyceride của các acid béo (INS 471), xanthan gum (INS 415))*, nước tinh khiết, sorbitol (INS 420), đường trehalose, glycerin (INS 422), sortening, cơm dừa, nước sốt vị dâu, chất bảo quản (INS 202), muối ăn, hương liệu tổng hợp (hương dâu), chất điều chỉnh độ axit (INS 330).

Chú ý: các thành phần nguyên liệu đáp ứng yêu cầu về chất lượng và an toàn để dùng làm thực phẩm.

3.2. Yêu cầu về cảm quan

Bánh hình tròn, cấu trúc mềm dẻo, vị ngọt, mùi thơm đặc trưng.

3.3. Thông tin dinh dưỡng (nutrition facts) *(Theo hướng dẫn tại Thông tư 29/2023/TT-BYT Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm)*

Bảng 3: Thông tin dinh dưỡng của sản phẩm

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)

Thành phần dinh dưỡng	*Trên 100g	% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng (Energy)	320 kcal	16 %
Chất đạm (Protein)	1.2 g	2.4 %
Carbohydrate	60.0 g	21.8 %
Chất béo (Fat)	8 g	16 %
Đường tổng (Total sugars)	12 g	-
Natri (Sodium)	44 mg	1.5 %
% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values – NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong 100g.		

*Ghi chú: * Giá trị thực tế không nhỏ hơn 80% so với giá trị ghi trong bảng trên.*

4. **Phụ gia thực phẩm**: Việc sử dụng phụ gia thực phẩm đối với sản phẩm phù hợp theo Thông tư 24/2019/TT-BYT ngày 30 tháng 08 năm 2019 của Bộ Y tế quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

STT	Tên phụ gia	Mức giới hạn cho phép (mg/kg)	Ghi chú
1	Sorbitol (INS 420)	GMP	Tham khảo phụ lục 3
2	Glycerin (INS 422)	GMP	Tham khảo phụ lục 3
3	Chất bảo quản (INS 202)	1500	Tham khảo nhóm 06.5
4	Chất điều chỉnh độ axit (E330)	GMP	Tham khảo phụ lục 3

5. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

5.1. Giới hạn tối đa kim loại nặng

Yêu cầu về giới hạn tối đa kim loại nặng đối với sản phẩm được quy định trong Bảng 4 (Áp dụng theo QCVN 8-2:2011/BYT)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố	Ghi chú
1	Chì (Pb)	mg/kg	≤ 0,5	Tham khảo mục 3.32

Scanned with CamScanner

2	Cadmi (Cd)	mg/kg	≤ 1,0	Tham khảo mục 2.5
3	Arsenic (As)	mg/kg	≤ 1,0	Tham khảo mục 1.5
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	≤ 0,05	Tham khảo mục 4.11

5.2. Giới hạn vi sinh vật

Yêu cầu về giới hạn vi sinh vật đối với sản phẩm được quy định trong Bảng 5 (Áp dụng theo tiêu chuẩn nhà sản xuất)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	≤ 5 x 10^5
2	*E.Coli*	CFU/g	Không được có
3	Tổng số nấm men, nấm mốc	CFU/g	≤ 100
4	*Salmonella spp*	CFU/25g	Không được có

6. Phương pháp thử:

Trong quá trình sản xuất và lưu hành sản phẩm, khi công ty có nhu cầu kiểm nghiệm các chỉ tiêu liên quan đến chất lượng và vệ sinh an toàn của các nguyên liệu, phụ gia thực phẩm, bao bì sản phẩm,...cũng như sản phẩm trước và sau khi đưa ra lưu thông trên thị trường thì các mẫu kiểm nghiệm sẽ được gửi tới các cơ quan kiểm nghiệm có đầy đủ tư cách pháp nhân, năng lực theo quy định của pháp luật hiện hành để các cơ quan kiểm nghiệm đó tiến hành các thử nghiệm theo các phương pháp thử đã được công nhận.

7. Hạn sử dụng: sản phẩm có thời hạn sử dụng là 9 tháng kể từ ngày sản xuất.

8. Bao bì, ghi nhãn, vận chuyển và bảo quản.

8.1. Bao gói:

Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

8.1.1. Bao bì trực tiếp: màng PET/PE hoặc CPP/PE, phù hợp theo QCVN 12-1:2011/BYT ngày 30 tháng 08 năm 2011 của Bộ y tế quy định về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

8.1.2. Bao bì dùng lưu trữ, vận chuyển, bảo quản: Dạng thùng có hình chữ nhật, làm bằng carton. Bao bì này phù hợp các yêu cầu về vệ sinh, an toàn theo các quy định hiện hành đối với bao bì dùng cho thực phẩm.

8.2. Ghi nhãn:

Scanned with CamScanner

Việc ghi nhãn thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của chính phủ "về nhãn hàng hóa", nghị định 111/2019/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về "Sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của chính phủ "về nhãn hàng hóa"; Thông tư số 29/2023/TT-BYT: Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn sản phẩm.

8.3. Vận chuyển:

Sản phẩm được vận chuyển bằng các phương tiện chuyên dụng, bảo vệ được chất lượng và an toàn vệ sinh cho sản phẩm.

8.4. Bảo quản:

Sản phẩm được bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh sáng trực tiếp,

IV, Phần thông tin bổ sung

Trong trường hợp các quy định pháp luật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn được viện dẫn trong Tiêu chuẩn cơ sở này có sự sửa đổi bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo văn bản mới.

Tiêu chuẩn này được ban hành và áp dụng từ ngày 20 tháng 01 năm 2026

TP. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	GIÁM ĐỐC CÔNG TY
TRẦN THỊ NGA	TRẦN THỊ THU HÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU ĐẠI LONG

Scanned with CamScanner